

HƯỚNG DẪN

Sử dụng phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, tàu điện đối với hành khách được miễn giá vé theo Nghị quyết số 29/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng ngày 09 tháng 12 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;

Căn cứ Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Bộ Lao động-Thương binh và xã hội quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện;

Căn cứ Thông tư số 08/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Bộ Lao động-Thương binh và xã hội sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch có quy định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu giấy, sổ tạm trú giấy hoặc giấy tờ có yêu cầu xác nhận nơi cư trú khi thực hiện thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách hỗ trợ người sử dụng phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, tàu điện và chính sách hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, tàu điện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 97/2024/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định về quản lý, điều hành giao thông vận tải đường sắt đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 5327/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành giá vé dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng tàu điện trên tuyến đường sắt đô thị số 1, Bến Thành – Suối Tiên;

Căn cứ Quyết định số 5908/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc đưa vào vận hành, khai thác tuyến đường sắt đô thị số 1, tuyến Bến Thành – Suối Tiên;

Căn cứ Công văn số 303/UBND-ĐT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về tổ chức thực hiện Nghị quyết số 29/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố;

Căn cứ Thông báo số 76/TB-VP ngày 18 tháng 01 năm 2025 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố về chỉ đạo của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Bùi Xuân Cường tại cuộc họp ngày 17 tháng 01 năm 2025 về các vấn đề liên quan đến công tác khai thác, vận hành tuyến Metro số 1.

Sở Giao thông vận tải hướng dẫn việc sử dụng phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên các tuyến xe buýt trợ giá, tàu điện trên tuyến đường sắt đô thị số 1 (Bến Thành – Suối Tiên) đối với hành khách được miễn giá vé trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Đối tượng áp dụng

Đối tượng được hỗ trợ miễn giá vé khi sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, tàu điện được căn cứ theo điểm a, điểm b, điểm c, điểm d Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 29/2024/NQ-HĐND (gọi tắt là hành khách được miễn giá vé), cụ thể:

- a) Người có công với cách mạng theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;
- b) Người khuyết tật;
- c) Người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi;
- d) Trẻ em dưới 6 tuổi.

2. Hướng dẫn cho người có công với cách mạng

Điều kiện, tiêu chuẩn, thẩm quyền, thủ tục, hồ sơ công nhận, giải quyết chế độ ưu đãi đối với người có công với cách mạng được thực hiện theo Chương II Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, trong đó người có công với cách mạng được xác định theo Khoản 1 Điều 3 Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng (số 02/2020/UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội), cụ thể:

- a) Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945;
- b) Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945;
- c) Liệt sỹ;
- d) Bà mẹ Việt Nam anh hùng;
- đ) Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân;

- e) Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến;
- g) Thương binh, bao gồm cả thương binh loại B được công nhận trước ngày 31 tháng 12 năm 1993; người hưởng chính sách như thương binh;
- h) Bệnh binh;
- i) Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học;
- k) Người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày;
- l) Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế;
- m) Người có công giúp đỡ cách mạng.

3. Hướng dẫn cho người khuyết tật

Thủ tục và trình tự thực hiện xác định, xác định lại mức độ khuyết tật được thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 5 Thông tư 01/2019/TT-BLĐTBXH. Khi có nhu cầu xác định, xác định lại mức độ khuyết tật thì người đề nghị hoặc người đại diện hợp pháp của người khuyết tật làm hồ sơ theo quy định tại Điều 4 Thông tư 01/2019/TT-BLĐTBXH gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú theo quy định của pháp luật.

4. Trách nhiệm của hành khách được miễn giá vé khi sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, tàu điện

- a) Đáp ứng giấy tờ chứng minh đối tượng được hỗ trợ miễn giá vé theo yêu cầu tại Phụ lục kèm theo Hướng dẫn này trước khi sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, tàu điện.
- b) Phối hợp với đơn vị kinh doanh vận tải hành khách để đối chiếu giấy tờ chứng minh và cập nhật dữ liệu hành khách được miễn giá vé xe buýt, tàu điện.
- c) Thanh toán giá vé trường hợp không đáp ứng được yêu cầu về giấy tờ chứng minh đối tượng được hỗ trợ miễn giá vé.

5. Trách nhiệm của Trung tâm Quản lý Giao thông công cộng

- a) Cập nhật, thông tin danh sách tuyến xe buýt trợ giá trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.
- b) Công khai các đối tượng được hỗ trợ miễn, giảm giá vé trên các phương tiện thông tin đại chúng, tại bến xe buýt và ga tàu điện; các yêu cầu cần thiết phục vụ đối chiếu, xác định đối tượng được hỗ trợ miễn giá vé đến hành khách sử dụng phương tiện vận tải hành khách công cộng.
- c) Ban hành quy trình, thủ tục và thực hiện cấp thẻ đi xe buýt cho người khuyết tật theo xác nhận của cơ quan có thẩm quyền.

d) Phối hợp với Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố và các đơn vị liên quan về sử dụng dữ liệu hành khách được hỗ trợ miễn, giảm giá vé xe buýt, tàu điện theo Nghị quyết số 29/2024/NQ-HĐND.

đ) Hướng dẫn đơn vị kinh doanh vận tải hành khách liên quan triển khai thực hiện và kiểm soát đúng đối tượng khi sử dụng xe buýt trên các tuyến xe buýt trợ giá, tàu điện trên tuyến đường sắt đô thị số 1.

6. Trách nhiệm của Công ty TNHH MTV Đường sắt đô thị số 1

a) Tổ chức bán vé hành khách theo giá được quy định tại Quyết định số 5327/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Hướng dẫn hành khách được miễn giá vé thực hiện các yêu cầu cần thiết khi sử dụng tàu điện

c) Thực hiện việc đối chiếu, xác định đối tượng được hỗ trợ miễn, giảm giá vé qua kiểm tra trực tiếp giấy tờ chứng minh hoặc sử dụng cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố theo quy định. / *ngp*

Nơi nhận:

- UBNDTP;
- Sở LĐTĐBXH;
- UBND quận-huyện và TP. Thủ Đức;
- Công ty ĐSĐT số 1;
- Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố;
- Sở GTVT (GĐ, PGĐ/VT)
- Trung tâm Quản lý giao thông công cộng;
- P.TC; P.QLVT;
- Lưu: VT, QLVT.Hlq; 05



Võ Khánh Hưng



Yêu cầu xác định đối tượng được hỗ trợ miễn giá vé sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, tàu điện
(Kèm theo Hướng dẫn số 1073 /HD-SGTVT ngày 23 tháng 01 năm 2025 của Sở Giao thông vận tải)

TT	Hành khách	Yêu cầu		Ghi chú
		Sử dụng xe buýt trên các tuyến xe buýt trợ giá	Sử dụng tàu điện trên tuyến đường sắt đô thị số 1	
1	Người có công với cách mạng theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng	Giấy tờ chứng minh liên quan do cơ quan có thẩm quyền cấp	Căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc giấy tờ chứng minh liên quan do cơ quan có thẩm quyền cấp	Trường hợp thông tin hành khách sử dụng tàu điện thuộc đối tượng miễn giá vé chưa có trong cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố hoặc hành khách chỉ có giấy tờ chứng minh liên quan ngoài căn cước công dân và thẻ căn cước, đơn vị vận hành tàu điện cập nhật thông tin hành khách và hỗ trợ hành khách vào, ra cổng thu soát vé.
2	Người khuyết tật	Giấy tờ chứng minh liên quan do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc thẻ đi xe buýt do Trung tâm Quản lý giao thông công cộng cấp	Căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc giấy tờ chứng minh liên quan do cơ quan có thẩm quyền cấp	
3	Người cao tuổi	Căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc giấy tờ chứng minh liên quan do cơ quan có thẩm quyền cấp		
4	Trẻ em từ 6 tuổi trở xuống	Giấy tờ chứng minh liên quan do người lớn đi cùng trẻ em cung cấp		

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI 